

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2022

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Tâm.

2. Bà: Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXHNGĐ - ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị L, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Xóm P, xã Ch, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị Đơn:* Anh Triệu Đức L, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Xóm N, xã Ch, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 10, khu sản xuất Đồng Tiến, Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/6/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Chu Thị L trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 16/10/2018, việc đăng ký do hai bên tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến năm 2019

thì chị phát hiện chồng nghiện ma túy nên mâu thuẫn phát sinh từ đó. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và không còn yêu thương nhau nữa. Mặc dù chị nhiều lần khuyên nhủ và giúp chồng cai nghiện ở nhà nhưng không có kết quả. Đến tháng 7 năm 2021 thì anh L bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị kết án 07 năm tù. Kể từ đó hai vợ chồng không liên lạc hỏi thăm đến nhau nữa. Hiện nay anh L đang chấp hành án tại Đội 10, khu sản xuất Đồng Tiến, Trại giam Ngọc Lý. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh L. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Triệu Phương Tr, sinh ngày 26/12/201x, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/7/2022, bị đơn Triệu Đức L xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy nay chị L làm đơn yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con anh L hoàn toàn nhất trí. Đồng thời, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn anh L, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị L được ly hôn anh Triệu Đức L;
- Về con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lâm;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.
- Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Triệu Đức L có hộ khẩu thường trú và trước khi

bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm N, xã Ch, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Triệu Đức L hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Chu Thị L yêu cầu ly hôn anh Triệu Đức L, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Thị L và anh Triệu Đức L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 16/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị L và anh L là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh L không chịu tu chí làm ăn, lười lao động, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tuyên phạt 07 năm tù. Hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị L ở nhà một mình nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 07/7/2022, anh L cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị L và anh L có 01 con chung tên Triệu Phương Tr, sinh ngày 26/12/201x, hiện nay đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh L đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu Tr cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Mặt khác anh L cũng nhất trí để chị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu Tr cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Thị L được ly hôn anh Triệu Đức L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Triệu Phương Tr, sinh ngày 26/12/201x cho chị Chu Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L.

Sau khi ly hôn, anh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Chu Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Chí Viễn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng